

Số: /BC-UBND

Yên Phong, ngày 06 tháng 11 năm 2024

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024 đối với xã Yên Trung, huyện Yên Phong

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 27/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu và các bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 25/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi một số chỉ tiêu, tiêu chí của Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2022-2025 và Quy định một số chỉ tiêu, tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Hướng dẫn số 1370/HD-SNN ngày 06/8/2024 (thay thế Hướng dẫn số 828/HD-SNN ngày 06/6/2023) của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thực hiện các Bộ tiêu chí nông thôn mới tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ đề nghị của UBND xã Yên Trung tại Tờ trình số 114/TTr-UBND ngày 24/10/2024 về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024;

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Yên Trung, UBND huyện Yên Phong báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2024 đối với xã Yên Trung, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày 25/10/2024 đến ngày 30/10/2024):

1. Về hồ sơ:

- Tờ trình số 65/TTr-UBND ngày 23/10/2024 của UBND xã Yên Trung đề nghị thẩm tra, xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Biên bản họp ngày 22/10/2024 của UBND xã Yên Trung đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Báo cáo số 141/BC-UBND ngày 03/10/2024 của UBND xã Yên Trung về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao năm 2023 (kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao).

- Báo cáo số 146/BC-UBND ngày 21/10/2024 của UBND xã Yên Trung về tổng hợp ý kiến tham gia của MTTQ và các tổ chức chính trị xã hội của xã đối với kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao.

- Báo cáo của UBND xã Yên Trung về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn xã.

- Hình ảnh minh họa về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao.

2. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao:

2.1. Công tác chỉ đạo, điều hành:

Phát huy những kết quả, kinh nghiệm trong xây dựng NTM giai đoạn 2016- 2020 và tiếp tục thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các giải pháp xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XXIII.

Ban Chấp hành Đảng bộ xã ban hành Nghị quyết số 33-NQ/ĐU ngày 02/7/2021 về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng xã NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 28-QĐ/ĐU, ngày 02/7/2021 về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 do đồng chí Bí thư Đảng ủy là Trưởng ban và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Chỉ đạo.

UBND xã Yên Trung đã ban hành Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 05/7/2021 về thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/ĐU ngày 02/7/2021 của BCH Đảng bộ xã về tăng

cường sự lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng xã Yên Trung nông thôn mới nâng cao, NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025.

2.2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn:

a) Công tác truyền thông.

Tổ chức Hội nghị đánh giá các phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng NTM”. Không ngừng nâng cao chất lượng các tiêu chí gắn với mô hình NTM nâng cao giai đoạn 2021- 2025. Phong trào thi đua được tuyên truyền và triển khai tới cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân. Các ngành, đoàn thể của xã đều cụ thể hóa việc thực hiện phong trào thi đua thông qua việc tổ chức các cuộc vận động trong ngành, lĩnh vực mình.

Tiếp tục lắp đặt thêm pano, áp phích, băng rôn tuyên truyền NTM ở các nhà văn hóa của thôn, trên các tuyến giao thông, khu trung tâm các thôn. Đài truyền thanh của xã, thường xuyên thông tin truyền tải các chủ trương lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp về xây dựng NTM.

b) Công tác đào tạo, tập huấn.

Tham gia các hội nghị triển khai, hướng dẫn của Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh Bắc Ninh, Văn phòng điều phối NTM huyện Yên Phong và tổ chức hội nghị triển khai đến cán bộ, công chức xã, lãnh đạo các thôn về lộ trình thực hiện xây dựng NTM nâng cao, qua đó chỉ đạo các ngành, các thôn căn cứ nhiệm vụ thực hiện bộ tiêu chí và tuyên truyền đến cán bộ, đảng viên, hội viên và nhân dân trong việc xây dựng, duy trì các tiêu chí.

2.3. Công tác chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân:

a) Công tác phát triển kinh tế nông thôn.

Sản xuất nông nghiệp của xã tiếp tục phát triển, tăng trưởng tốt. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch rõ rệt theo hướng giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp và tăng dần tỷ trọng tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Sự chuyển dịch như trên là phù hợp với tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn.

Năm 2005, tỷ trọng ngành nông nghiệp chiếm 94,19%, ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp chiếm 5,81%.

Năm 2010, tỷ trọng ngành nông nghiệp chiếm 57,02%, ngành công nghiệp, xây dựng, dịch vụ thương mại chiếm 42,98%.

Năm 2023, tỷ trọng ngành nông nghiệp chiếm 26,5%, ngành công nghiệp, xây dựng, dịch vụ thương mại chiếm 73,5%.

Xã phát triển được 01 sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn 3 sao.

Yên Trung hiện có 09 hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp, 01 hợp tác xã dịch vụ đa ngành. Các hợp tác xã đã nêu cao tinh thần tự chủ, chủ động khắc phục khó khăn, mở rộng sản xuất, kinh doanh, ứng dụng khoa học - kỹ thuật, áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng, an toàn vào sản xuất, nâng cao năng suất và hiệu quả kinh tế.

b) Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn.

Trên địa bàn xã, hoạt động sản xuất công nghiệp, TTCN chủ yếu tập trung vào các ngành nghề như: Chế biến gỗ công nghiệp, cơ khí... đã góp phần giải quyết việc làm, mang lại thu nhập ổn định cho lao động, nhất là lao động nữ khu vực nông thôn.

c) Kết quả nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân.

Thực hiện các nghị quyết của HĐND các cấp, cấp ủy, chính quyền xã quan tâm triển khai thực hiện công tác tuyên truyền, quán triệt các chủ trương, chính sách về giảm nghèo, mục tiêu giảm nghèo bền vững với nhiều hình thức đa dạng, phong phú trên các phương tiện thông tin đại chúng; phối hợp tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ làm công tác giảm nghèo, nâng cao năng lực thực hiện Chương trình; lồng ghép các hội nghị tuyên truyền, hội nghị tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tuyên truyền nâng cao nhận thức thoát nghèo... Từ đó, các chính sách giảm nghèo đã đi vào thực tiễn, nhận thức của người dân đã dần thay đổi, nhất là người dân đã dần thấy trách nhiệm của mình đối với công tác giảm nghèo, tích cực lao động sản xuất để tăng thu nhập vươn lên thoát nghèo bền vững. Các hoạt động an sinh xã hội, thực hiện phong trào vì người nghèo được Mặt trận xã, thôn tích cực thực hiện.

Sau thời gian thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã, công tác giảm nghèo đã đạt những kết quả nhất định. Cụ thể, tỷ lệ hộ nghèo đầu năm 2021 (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2021-2025) của xã là 1,67%, đến năm 2024 giảm xuống còn 0,6%, giảm 1,07%, đạt chỉ tiêu đề ra.

2.4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

Tổng kinh phí đã thực hiện: 378.120 triệu đồng.

3. Công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới:

Xã Yên Trung đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2015 tại Quyết định 1467/QĐ-UBND ngày 27/11/2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh V/v công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2015. Đến nay xã vẫn tiếp tục duy trì và đảm bảo yêu cầu của 19/19 tiêu chí thuộc bộ tiêu chí xã NTM giai đoạn 2021 - 2025.

4. Kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao:

4.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

1.1. Có quy hoạch chung xây dựng còn thời hạn, hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

1.1 Quy hoạch chung xây dựng xã căn cứ Quyết định số 528/QĐ/UBND, ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh về Quyết định Đề án điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Chờ và phụ cận, huyện Yên Phong (đô thị Yên Phong) đến năm 2035, tỷ lệ 1/10.000.

1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

Thực hiện quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch căn cứ theo văn bản số 552/UBND-KTHT ngày 16/4/2024 của UBND huyện Yên Phong V/v hướng dẫn tạm thời một số nội dung làm cơ sở cấp phép xây dựng, quản lý trật tự xây dựng các công trình nhà ở riêng lẻ trên địa bàn huyện Yên Phong.

1.3. Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã căn cứ Quyết định số 409/QĐ-

UBND, ngày 26/7/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc Phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 Khu phía Đông Bắc Chờ, huyện Yên Phong (Phân khu số 3).

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 1 về Quy hoạch: Đạt

4.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì định kỳ, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết: biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...

2.2. Tỷ lệ đường thôn, và đường liên thôn

a. Được cứng hóa và bảo trì theo định kỳ

b. Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.

2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.

2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa

b) Kết quả thực hiện của tiêu chí:

Tổng số đường giao thông trên địa bàn xã:

- Đường tỉnh lộ 295 dài 1km.
- Đường trục xã dài 3,5 km.
- Đường trong các thôn, xóm có tổng chiều dài 39,1 km.
- Đường nội đồng 8km.

Chất lượng các tuyến đường giao thông:

- Đường tỉnh lộ 295 dài 1 km với kết cấu mặt đường nhựa.
- Đường trục xã dài 3,5 km đã cứng hóa và dải apphan đạt tỷ lệ 100%.
- Đường trong các thôn, xóm có tổng chiều dài 39,1 km và đã cứng hóa bề mặt 100%.
- 100% các tuyến đường do xã, thôn quản lý đều có hệ thống rãnh thoát nước và đèn chiếu sáng, đạt tỷ lệ 100%, các tuyến đường có lề đường và có điều kiện trồng cây xanh đều đã được trồng cây xanh (*cây ăn quả và cây bóng mát*).
- Tại 33/33 điểm giao nhau đồng mức giữa đường xã, thôn, xóm giao với đường

tính được bố trí đầy đủ báo hiệu giao thông đảm bảo theo quy chuẩn.

- Tại 33/33 vị trí có nguy cơ cao mất an toàn giao thông đã bố trí gờ hoặc gờ giảm tốc theo quy định, đủ đạt 100%.

- Đường trục chính giao thông nội đồng từ khu dân cư ra đến nơi sản xuất đã cứng hóa đảm bảo thuận tiện quanh năm đạt tỷ lệ 100 %.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 2 về Giao thông: Đạt.

4.3 Tiêu chí số 3 về Thủy lợi và Phòng chống thiên tai:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động $\geq 90\%$.

3.2. Tổ chức thủy lợi cơ sở (nếu có) hoạt động hiệu quả.

3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước $\geq 20\%$.

3.4. Tỷ lệ công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm $\geq 100\%$.

3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi

3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

b) Kết quả thực hiện của tiêu chí:

3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động $\geq 90\%$.

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động là 665,7/727,6 ha đạt 91,5%. Cụ thể:

1. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động

TT	Cây trồng	Diện tích gieo trồng cần được bảo đảm tưới theo kế hoạch (ha)	Diện tích gieo trồng thực tế được tưới chủ động (ha)
1	Cây hàng năm		
	Lúa xuân	289	276,4

	Lúa hè thu		
	Lúa mùa	283	276,4
	Rau, màu	155,6	112,9
2	Cây lâu năm		
	Cây ăn quả		
	Cây công nghiệp		
	Tổng cộng	727,6	665,7
	T _{tươi} (%)	$(665,7/727,6)*100\%= 91,5\%$	

2. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tiêu chủ động

TT	Loại đất phân theo mục đích sử dụng đất	Diện tích gieo trồng cần tiêu theo kế hoạch (ha)	Diện tích thực tế được tiêu chủ động (ha)
1	Cây hàng năm		
	Lúa xuân	289	276,4
	Lúa hè thu		
	Lúa mùa	283	276,4
	Rau, màu	155,6	112,9
2	Cây lâu năm		
	Cây ăn quả		
	Cây công nghiệp		
	Tổng cộng	727,6	665,7
	T _{tiêu} (%)	$(665,7/727,6)*100\%= 91,5\%$	

3.2. Tổ chức thủy lợi cơ sở (nếu có) hoạt động hiệu quả.

- Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đương, Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi Yên Phong là đơn vị thực hiện công tác tưới tiêu nông nghiệp.

3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước $\geq 20\%$.

- Đối với cây lúa:

Số diện tích lúa được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước là 552,8/572 ha đạt tỷ lệ 96,64%. Cụ thể:

Đối với cây lúa:

TT	Vụ sản xuất	Diện tích gieo trồng lúa theo quy hoạch/kế hoạch của xã (ha)	Diện tích gieo trồng lúa thực tế áp dụng biện pháp canh tác tiên tiến, tiết kiệm nước (ha)	Ghi rõ biện pháp canh tác tiên tiến, tiết kiệm nước được áp dụng
1	Vụ xuân	289	276,4	Áp dụng phương pháp tưới ướt khô xen kẽ
2	Vụ hè thu			
3	Vụ mùa	283	276,4	
	Tổng cộng	572	552,8	
	TK(%)	(552,8/572 ha)* 100% = 96,64%		

3.4. Tỷ lệ công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm $\geq 100\%$.

- 100% hệ thống thủy lợi, kênh mương nội đồng đều được các Tổ trưởng tổ hợp tác, giám đốc HTX thường xuyên nạo vét, khơi thông, vét bùn, bảo trì hàng năm, hàng vụ, đảm phục vụ sản xuất cho nhân dân.

3.5. Các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi chủ yếu là nước thải sinh hoạt của các hộ dân trên địa bàn.

Bảng: Thống kê nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi

TT	Tên kênh mương - Công trình	Tên tổ chức/cá nhân xả nước thải	Địa chỉ tổ chức/cá nhân xả thải	Vị trí xả thải		Loại nước thải	Lưu lượng xả	Chế độ xả	Biện pháp xử lý	Giấy phép (có ghi C, không ghi K)
				Địa giới hành chính	Vị trí trên kênh					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Mương Xuân Cai	Hộ GD	Xuân Cai	Thôn Xuân Cai	Xuân Cai	Nước thải SH	296,2	Không thường xuyên	không	K
2	Mương Vọng Đông	Hộ GD	Vọng Đông	Thôn Vọng Đông	Vọng Đông	Nước thải SH	249,8	Không thường xuyên	không	K

3	Mường Lương Tân	Hộ GD	Lương Tân	Thôn Lương Tân	Lương Tân	Nước thải SH	146,4	Không thường xuyên	không	K
4	Mường Chính Trung	Hộ GD	Chính Trung	Thôn Chính Trung	Chính Trung	Nước thải SH	528,2	Không thường xuyên	không	K
5	Mường Thân Thượng	Hộ GD	Thân Thượng	Thôn Thân Thượng	Thân Thượng	Nước thải SH	353,8	Không thường xuyên	không	K
6	Mường Trần Xá	Hộ GD	Trần Xá	Thôn Trần Xá	Trần Xá	Nước thải SH	487,2	Không thường xuyên	không	K
7	Mường Yên Lãng	Hộ GD	Yên Lãng	Thôn Yên Lãng	Yên Lãng	Nước thải SH	323,8	Không thường xuyên	không	K
8	Mường Ấp Đồn	Hộ GD	Ấp Đồn	Thôn Ấp Đồn	Ấp Đồn	Nước thải SH	336	Không thường xuyên	không	K
9	Mường Trung Lạc	Hộ GD	Trung Lạc	Thôn Trung Lạc	Trung Lạc	Nước thải SH	305,4	Không thường xuyên	không	K

3.6. Luôn đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ như:

+ Có tổ chức bộ máy thực hiện công tác phòng, chống thiên tai được thành lập và kiện toàn theo quy định của pháp luật, có nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu trong công tác phòng, chống thiên tai tại thôn, xã.

+ Hàng năm thực hiện hiệu quả kế hoạch phòng, chống thiên tai được phê duyệt, làm tốt công tác bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai.

+ Các vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai đều được UBND xã kiểm tra và xử lý kịp thời (nếu có).

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 3 về Thủy lợi và Phòng chống thiên tai: Đạt

4.4. Tiêu chí số 4 về Điện:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định.

b) Kết quả thực hiện của tiêu chí:

-Cả 9/9 thôn có điện lưới Quốc gia, hệ thống điện và trạm biến áp, đường dây dẫn

đảm bảo chất lượng an toàn .

-Có 3.284/3.284 hộ, đạt 100% số hộ được dùng điện thường xuyên, an toàn; đảm bảo có điện sử dụng hàng ngày, đủ nguồn năng lượng sử dụng cho các thiết bị sản xuất, sinh hoạt, chiếu sáng trong gia đình.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 4 về Điện: Đạt

4.5. Tiêu chí số 5 về Giáo dục:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.

5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi .

5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS. Mức độ 3.

5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ. Mức độ 2.

5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại. Khá

5.6 Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.

b) Kết quả thực hiện của tiêu chí:

5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.

Trên địa bàn, xã đang quản lý có 04 trường (Trường Mầm non Yên Trung, Trường Tiểu học Yên Trung số 1, Trường Tiểu học Yên Trung số 2, Trường THCS Yên Trung), cả 04/04 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ II. Cụ thể:

- Trường Mầm non đạt chuẩn mức độ 2 theo Quyết định số 1512/QĐ-UBND, ngày 30/11/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh.

- Trường Tiểu học Yên Trung số 1 đạt chuẩn mức độ 2 theo Quyết định số 602/QĐ-UBND, ngày 01/7/2022 của UBND tỉnh Bắc Ninh.

- Trường Tiểu học Yên Trung số 2 đạt chuẩn mức độ 2 theo Quyết định số 1050/QĐ-UBND, ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh.

- Trường THCS Yên Trung đạt chuẩn mức độ 2 theo Quyết định số 1152/QĐ-UBND, ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh.

5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

Hàng năm Trường mầm non Yên Trung đều có kế hoạch thực hiện công tác phổ cập giáo dục cho trẻ em 5 tuổi và có quyết định kiện toàn ban chỉ đạo phổ cập giáo dục trẻ em 5 tuổi. Nhà trường trong nhiều năm liền duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi được công nhận tại Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND huyện Yên Phong v/v công nhận phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2023.

5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS. Mức độ 3.

Đạt phổ cập giáo dục Tiểu học và THCS tại Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND huyện Yên Phong v/v công nhận phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2023.

5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ. Mức độ 2 theo Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND huyện Yên Phong v/v công nhận phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2023.

5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại.

- “Cộng đồng học tập” của xã năm 2023 được đánh giá xếp loại Tốt theo Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 11/01/2024.

5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.

- 4/4 trường có hệ thống thiết bị luyện tập giáo dục thể chất cho học sinh: mô hình

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 5 về Giáo dục: Đạt

4.6. Tiêu chí số 6 về Văn hóa:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên. Trung tâm Văn hóa – thể thao xã được đầu tư xây dựng hoặc có quy hoạch riêng biệt bên ngoài khu hành chính xã.

6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.

6.3. 100% thôn đạt danh hiệu “Khu dân cư văn hóa”

b) Kết quả thực hiện của tiêu chí:

6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên. Trung tâm Văn hóa – thể thao xã được đầu tư xây dựng hoặc có quy hoạch riêng biệt bên ngoài khu hành chính xã.

6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.

+ Các điểm công cộng ngoài trời được lắp đặt dụng cụ thể thao.

+ Hiện có 01 nhà đa năng, 01 hội trường với 300 chỗ ngồi, có đủ: Bàn, ghế, giá, tủ, trang bị âm thanh, ánh sáng, thông gió, đài truyền thanh, đảm bảo công năng để tổ chức các nội dung: Tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, Liên hoan, hội diễn văn nghệ quần chúng; duy trì hoạt động thường xuyên của 09 câu lạc bộ văn hoá, văn nghệ, thu hút được trên 35% tổng số dân hưởng thụ và tham gia các hoạt động, sáng tạo văn hóa.

6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.

- Theo Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt công bố danh mục kiểm kê di tích trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh tính đến ngày 15/12/2020 trên địa bàn 9 thôn tổng có 20 di tích được kiểm kê, ghi danh bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị theo đúng quy định.

- Có 03 cơ sở tín ngưỡng (Đình thôn Xuân Cai, Đình thôn Thân Thượng, Đình thôn Trần Xá) được công nhận di tích lịch sử văn hoá cấp tỉnh năm

6.3. 100% thôn đạt danh hiệu “Khu dân cư văn hóa”

- Trên địa bàn xã có 9/9 thôn đều đạt danh hiệu “Khu dân cư văn hóa” theo Quyết định số 5635/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND huyện Yên Phong.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 6 về Văn hóa: Đạt

4.7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

7.1. Xã có chợ nông thôn đạt chuẩn theo quy định

7.2. Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.

b) Kết quả thực hiện của tiêu chí:

Xã Yên Trung hiện tại không có chợ nông thôn nên tiêu chí này không xem xét đánh giá. Trên địa bàn xã có nhiều mô hình siêu thị mini, cửa hàng tiện ích ở các thôn và xã có một khu trung tâm thương mại với diện tíchm², dự kiến tháng 7/2025 đi vào hoạt động. Hiện tại các siêu thị mini, cửa hàng tiện ích tại các thôn đều đang động rất hiệu quả, sự dụng thực phẩm sạch, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, điển hình như siêu thị Winmart, Siêu thị trái cây nhập khẩu....

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: Đạt

4.8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân.

8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh \geq 80%.

8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông.

8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội.

8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...).

b) Kết quả thực hiện của tiêu chí:

8.1.Xã có 01 điểm phục vụ bưu chính và dịch vụ viễn thông internet là Bưu điện huyện Yên Phong, cơ sở đảm bảo đầy đủ trang thiết bị phục vụ nhu cầu sử dụng của nhân dân.

8.2. Có 9.638/9.638 (đạt 100%) thuê bao sử dụng điện thoại thông minh.

8.3.Xã có 01 đài truyền thanh của xã và 09 đài truyền thanh của 09 thôn, được đầu tư trang thiết bị hiện đại và hoạt động tốt, được trang bị máy tính, có hệ thống lưu trữ và phần mềm biên tập sản xuất chương trình và card âm thanh mạng 4G; có 01 cơ sở kinh doanh sách, báo, tạp chí...

- Có điểm bưu điện văn hóa xã là điểm cung cấp xuất bản phẩm.

8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội.

- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành bằng các phần mềm ứng dụng dùng chung cho toàn tỉnh; trang bị 100% máy vi tính cho cán bộ, công chức; 100% máy vi tính trong cơ quan được kết nối mạng internet băng thông rộng.

- Xã có sử dụng 01 phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành; 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng; hệ thống một cửa điện tử tích hợp dịch vụ công trực tuyến dùng chung toàn tỉnh; trang thông tin điện tử của xã có chức năng phục vụ công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến của xã.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt 63%.

- Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin đạt 100%.

- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đạt 75%.

- Sản phẩm OCOP của xã được quảng bá trên các trang thông tin điện tử.

8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...).

Có lắp đặt wifi có đường truyền kết nối internet tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của xã và nhà văn hóa các thôn .

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông: Đạt

4.9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố $\geq 98\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Trên địa bàn xã có 3.284/ 3.284 hộ (100%) có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố, đạt tỷ lệ 100%.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 9 về Nhà ở và dân cư: Đạt

4.10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Đảm bảo thu nhập năm 2024 ≥ 72 triệu đồng/người/năm.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Thu nhập của người dân trong xã hiện nay từ nhiều nguồn khác nhau trong đó thu từ sản xuất nông nghiệp chiếm tỷ trọng thấp, chủ yếu thu từ các ngành nghề phi nông nghiệp, thương mại - dịch vụ.

- Tổng thu từ nền kinh tế năm 2023 đạt 1.060,884 tỷ đồng.

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 75,4 triệu đồng/người/năm.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 10 về Thu nhập: Đạt

4.11. Tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (đã trừ hộ bảo trợ XH) $\leq 1\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Tỷ lệ nghèo đa chiều năm 2023: 20/3.284 hộ (0,6%).

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều: Đạt

4.12. Tiêu chí số 12 về Lao động:

a) Yêu cầu của tiêu chí

12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 85\%$.

12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 35\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Toàn xã có 9.638 người trong độ tuổi lao động có hộ khẩu thường trú tại địa phương, trong đó:

12.1. Trên địa bàn xã có 8.859/9.638 người (88%) là lao động qua đào tạo.

12.2. Có 4.150/9.638 (43%) người có bằng cấp, chứng chỉ.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 12 về Lao động: Đạt

4.13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn:

a a) Yêu cầu của tiêu chí

13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định.

13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn 3 sao trở lên và còn thời hạn kể từ ngày được công nhận.

13.3. Có mô hình ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa cá khâu hoặc mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm.

13.4. Ứng dụng công nghệ số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã (nếu có).

13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã (nếu có) được bán qua kênh thương mại điện tử.

13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã (nếu có) được cấp mã vùng

13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã (nếu có) thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.

13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

13.1. Trên địa bàn xã có 09 Hợp tác xã DVNN, 01 Hợp tác xã dịch vụ đa ngành tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2023, hoạt động có hiệu quả.

13.2. Được công nhận một (01) sản phẩm OCOP đạt hạng 3 sao, sản xuất bằng mô hình cơ giới hoá, sản phẩm được cấp tem truy xuất nguồn gốc theo quy định (sản phẩm Dưa lưới Dương Thị Thương của HTX dịch vụ đa ngành Trọng Tín được công nhận tại Quyết định số 5623/QĐ-UBND, ngày 13/12/2023 của UBND huyện Yên Phong).

13.3. Có mô hình ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa cá khâu hoặc mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm.

- 04/4 hợp tác xã đều có mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa đồng bộ các khâu trong trồng trọt:

STT	Tên tiêu chí đánh giá	Điểm đánh giá	Điểm tối đa
1	Làm đất	100	100
2	Gieo, trồng	30	100
3	Tưới, tiêu	100	100
4	Chăm sóc	50	100
5	Thu hoạch	100	100
6	Vận chuyển	100	100
7	Xử lý phụ phẩm	100	100

Các mục 13.4; 13.5; 13.6; 13.7: trên địa bàn xã không có sản phẩm nông sản chèo lục nên không xem xét đánh giá.

13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường).

- Trên địa bàn xã có rất nhiều mô hình phát triển kinh tế nông thôn trong đó có mô hình sản xuất của Hợp tác xã đa ngành Trọng Tín có hệ thống nhà lưới sản xuất rau, củ, quả với diện tích 575 m², và cung cấp sản phẩm trứng gà sạch, giải quyết việc làm thường xuyên từ 7-10 lao động, không gây ô nhiễm môi trường.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn: Đạt

4.14. Tiêu chí số 14 về Y tế:

a) Yêu cầu của tiêu chí

14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) > 96%

14.2. Xã triển khai thực hiện quản lý sức khỏe điện tử.

14.3. Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa.

14.4. Xã triển khai thực hiện tốt sổ khám chữa bệnh điện tử.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

14.1. Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế còn hiệu lực đạt 14.691/15.269 người (96,21%).

14.2, 14.3, 14.4. Xã đã ban hành nhiều văn bản để tổ chức triển khai thực tốt công tác quản lý sức khỏe điện tử, triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa và triển khai thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử như:

+ Công văn số 1236/SYT-KHTC ngày 18/05/2023, về việc đảm bảo điều kiện triển khai nền tảng Hồ sơ sức khỏe điện tử.

+ Kế hoạch số 2414/KH – SYT ngày 25/09/2023, về việc triển khai các nền tảng số ngành y tế Bắc Ninh đến năm 2025 định hướng đến năm 2030.

+ Kế hoạch số 126/KH-TTYT ngày 24/10/2023, về việc triển khai lộ trình thực hiện Hồ sơ sức khỏe điện tử nâng cao trên địa bàn huyện Yên phong năm 2023.

+ Kế hoạch số 53/KH-TTYT ngày 15/3/2024, về cập nhật dữ liệu Hồ sơ sức khỏe người dân trên phần mềm Hồ sơ sức khỏe điện tử trên địa bàn huyện Yên phong năm 2024.

+ Kế hoạch số 41/KH-TYT ngày 18/3/2024 về cập nhật dữ liệu Hồ sơ sức khỏe người dân trên phần mềm Hồ sơ sức khỏe điện tử trên địa bàn xã Yên Trung năm 2024.

- Đã chuẩn bị cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để phục vụ cho công tác quản lý sức khỏe điện tử, triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa và triển khai thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử như:

+ Có phòng làm việc, có bộ bàn ghế văn phòng;

+ Có 03 máy tính để bàn có kết nối mạng internet;

- + Đã cài đặt ứng dụng, phần mềm để thực hiện số khám chữa bệnh điện tử,
- + Nhân viên y tế đã được đào tạo sử dụng thành thạo phần mềm.

Kết quả triển khai cụ thể như sau:

- Xã triển khai thực hiện quản lý sức khỏe điện tử là : $13.913/15.269 = 91,1\%$
- Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa là : $2.460/5.916 = 41,6\%$
- Xã triển khai thực hiện tốt số khám chữa bệnh điện tử là: $6.705/15.269 = 43,9\%$

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 14 về Y tế: Đạt

4.15. Tiêu chí số 15 về Hành chính công:

a) Yêu cầu của tiêu chí

15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.

15.2. Có dịch vụ công trực tuyến một phần.

15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.

- UBND xã tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính và mức độ hài lòng của tổ chức cá nhân.

- Bộ phận một cửa, bộ phận chuyên môn của UBND xã được trang bị đầy đủ máy móc, trang thiết bị đáp ứng được yêu cầu tiếp nhận và giải quyết TTHC và cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân. UBND xã thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC qua cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh; thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, thực hiện phát hành biên lai điện tử, thanh toán trực tuyến theo quy định. UBND xã tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện chứng thực bản sao điện tử từ bản chính, nộp hồ sơ trực tuyến.

- Cán bộ, công chức trực tiếp tiếp nhận giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính xã Đông Phong được đào tạo, bồi dưỡng, có trình độ chuyên môn đáp ứng được yêu cầu tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân.

15.2. Có dịch vụ công trực tuyến một phần.

- UBND xã có dịch vụ công trực tuyến một phần đáp ứng nhu cầu giải quyết TTHC của công dân, cụ thể: 89 dịch vụ công trực tuyến (21 DVCTT toàn trình, 67 DVCTT một phần; 01 DV cung cấp thông tin trực tuyến ...).

15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.

- UBND xã thực hiện giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không xảy ra khiếu nại vượt cấp.

- UBND xã thực hiện niêm yết công khai 100 % thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận giải quyết và các nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo đúng quy định tại Nghị định 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC và thông tư 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của văn phòng chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC.

- 100 % thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo quy định. Không có kết quả giải quyết TTHC phải sửa đổi, bổ sung do lỗi của cơ quan nhà nước, hoặc bị phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện; không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ nhũng nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính. Trong 03 năm liên liên tục 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính của xã được giải quyết đúng hạn hoặc sớm hạn. Cụ thể :

- + Năm 2021: 7.452/7.452 hồ sơ đạt tỷ lệ 100%
- + Năm 2022: 13.180/13.180 hồ sơ đạt tỷ lệ 100%
- + Năm 2023: 11.126/11.126 hồ sơ đạt tỷ lệ 100%

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC ngày càng được nâng cao, đạt mục tiêu giao tại khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính của Nghị quyết 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của chính phủ.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 15 về Hành chính công: Đạt

4.16. Tiêu chí số 16 về Tiếp cận pháp luật:

a) Yêu cầu của tiêu chí

16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở.

16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải thành $\geq 90\%$.

16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu $\geq 90\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

UBND xã thực hiện chấm điểm tiêu chí số 16 theo hướng dẫn, cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí, chỉ tiêu	Điểm yêu cầu	Điểm đánh giá CTCPL 2024	Ghi chú
1	Ban hành Kế hoạch PBGDPL năm trong 05 (năm) ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật: 2/2 điểm	2	2	Nội dung a, phần 1, chỉ tiêu 3, Tiêu chí 2. (Đạt)
2	Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch PBGDPL đạt 100%	4	4	Nội dung a, phần 2, chỉ tiêu 3, Tiêu chí 2. (Đạt)
3	Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch của cấp trên đạt 100%	2	2	Nội dung a, phần 3, chỉ tiêu 3, Tiêu chí 2. (Đạt)
4	Có từ 02 (hai) hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả trở lên	5	5	Nội dung a, chỉ tiêu 4, Tiêu chí 2. -Mô hình CCB vì dân, Tổ hòa giải ở cơ sở đã được nhân rộng 9/9 thôn, Tổ hòa giải kiểu mẫu thôn Ấp Đồn. (Đạt)

5	Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho tuyên truyền viên pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật cho 100% Tuyên truyền viên PL	3	3	Nội dung a, chỉ tiêu 5, Tiêu chí 2. (Đạt)
6	Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện để thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật	3	3	Nội dung a, chỉ tiêu 6, Tiêu chí 2. (Đạt)
7	Huy động được nguồn lực hỗ trợ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật	Có	Có	(Đạt)
8	Trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đánh giá có tập thể hoặc cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cấp huyện trở lên tặng Giấy khen hoặc Bằng khen hoặc hình thức khen thưởng khác vì có thành tích xuất sắc về triển khai các giải pháp, sáng kiến trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.	Có	Có	Tổ hòa giải kiểu mẫu thôn Ấp Đồn hoạt động có hiệu quả, được khen thưởng tại Quyết định số 2302/QĐ-UBND, ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh và Quyết định số 5634/QĐ-UBND, ngày 18/12/2023 của UBND huyện Yên Phong
9	Có văn bản và dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động hòa giải gửi cơ quan có thẩm quyền cấp trên theo thời hạn quy định	1	1	Nội dung 1, chỉ tiêu 2, Tiêu chí 3. (Đạt)
10	Tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí đúng mức chi theo quy định của cơ quan có thẩm quyền đạt 100%	1.5	1.5	Nội dung a, phần 2, chỉ tiêu 2, Tiêu chí 3. (Đạt)
11	Hỗ trợ thù lao hòa giải viên theo vụ, việc đúng mức chi theo quy định của cơ quan có thẩm quyền đạt 100%	1.5	1.5	Nội dung a, phần 3, chỉ tiêu 2, Tiêu chí 3. (Đạt)
12	Huy động đội ngũ luật sư, luật gia, Hội thẩm nhân dân, lực lượng Công an nhân dân, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, người đã từng là Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên, người đã hoặc đang công tác trong lĩnh vực pháp luật tham gia làm hòa giải viên ở cơ sở hoặc hỗ trợ cho công tác hòa giải ở	Có	Có	(Đạt)

	Cơ sở			
13	Trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đánh giá có tập thể hoặc cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cấp huyện trở lên tặng Giấy khen hoặc Bằng khen hoặc hình thức khen thưởng khác vì có thành tích xuất sắc về triển khai các giải pháp, sáng kiến trong công tác hòa giải ở cơ sở.	Có	Có	Tổ hòa giải kiểu mẫu thôn Ấp Đồn hoạt động có hiệu quả, được khen thưởng tại Quyết định số 2302/QĐ-UBND, ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh và Quyết định số 5634/QĐ-UBND, ngày 18/12/2023 của UBND huyện Yên Phong.
14	Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải thành (sau đây gọi là vụ việc, hòa giải thành)	≥ 90%	36/38 vụ (94,7%)	Nội dung a, b, phần 2, chỉ tiêu 1, Tiêu chí 3 (từ 1.5 đến 3.5 điểm) (Đạt)
15	Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu.	≥ 90%	05/05 trường hợp (100%)	Nội dung a, b, chỉ tiêu 3, Tiêu chí 3 (từ 3 đến 4 điểm) (Đạt)

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 16 về Tiếp cận pháp luật: Đạt

4.17. Tiêu chí số 17 về Môi trường:

a) Yêu cầu của tiêu chí

17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường. 100%

17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định ≥ 98%.

17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả ≥ 50%.

17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn ≥ 50%.

17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường 100%

17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường $\geq 80\%$.

17.8 Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường $\geq 95\%$.

17.9 Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch.

17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng $\geq 20\%$.

17.11 Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn $\geq 4m^2/người$.

17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định $\geq 90\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

- Trên địa bàn xã không có Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản nên không đánh giá chỉ tiêu này.

17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường. 100%

- Hiện nay cơ bản các cơ sở sản xuất – kinh doanh trên địa bàn xã đều đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường. Xã triển khai thực hiện cho ký cam kết bảo vệ môi trường đối với 195/195 cơ sở.

17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định $\geq 98\%$.

- Có phương án thu gom, vận chuyển rác thải, quy chế bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại. Thường xuyên đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhân dân phân loại, xử lý rác thải tại hộ gia đình; các loại rác thải như lá cây, thức ăn thừa được xử lý đốt, chôn lấp hoặc làm thức ăn cho chăn nuôi và làm phân hữu cơ theo mô hình mỗi hố rác một cây xanh, rác thải tái chế được gom bán phế liệu, rác còn lại được lưu giữ và định kỳ tổ chức thu gom trên địa bàn toàn xã. Hiện nay, trên địa bàn xã mỗi hộ gia đình đều có thùng, túi đựng rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Rác thải sinh hoạt được các hộ bỏ vào bì buộc chặt tập trung tại sân, cửa nhà. Hàng ngày, 9/9 thôn đều có đội thu gom rác thải vận chuyển ra bãi tập kết của các thôn, sau đó Liên danh Công ty TNHH Môi trường Đô Thị Hưng Phát – Công ty CP Dịch vụ và Môi trường xanh Yên Phong sẽ cho xe về vận chuyển xuống nhà máy Điện rác Lương Tài để xử lý. Kết quả cụ thể có 3.284/3.284 hộ = 100% đăng ký thực hiện xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn, Khối lượng trung bình khoảng 43 tấn/ngày.

17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả $\geq 50\%$.

- Trong các khu dân cư, nước thải sinh hoạt của các hộ gia đình được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, hố lắng lọc trước khi xả vào hệ thống tiêu thoát nước chung. Hệ thống xử lý thoát nước mưa, nước thải trong các khu dân cư đảm bảo nhu cầu tiêu thoát nước của khu vực, đảm bảo vệ sinh, không có hiện tượng tắc nghẽn, tù đọng nước thải gây ô nhiễm môi trường; đồng thời thường xuyên được khơi thông, nạo vét. Các trục đường đều có mương tiêu thoát nước đảm bảo không chảy tràn ra đường gây ô nhiễm môi trường. Kết quả số hộ thực hiện có 3.284/3.284 hộ = 100%

17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn $\geq 50\%$.

- Song song với đề án thu gom rác thải, UBND xã đã tuyên truyền nhân dân tiến hành phân loại rác thải tại nguồn trước khi thu gom.

- Về cơ bản các hộ thực hiện phân loại rác sinh hoạt hàng ngày, rác thải được phân loại thành rác nguy hại, rác hữu cơ và rác tái chế. Hội liên hiệp phụ nữ xã đã triển khai dùng chế phẩm sinh học IMO để xử lý rác thải hữu cơ sau phân loại đã góp phần giảm thiểu lượng rác thải rắn cần thu gom, xử lý. Đối với chất thải rắn có khả năng tái chế được chuyển giao cho các hộ thu mua phế liệu hoặc các tổ chức, cá nhân tái sử dụng, tái chế. Qua kiểm tra, đánh giá quá trình phân loại rác của các hộ gia đình trên địa bàn hiện nay đạt được như sau: Số hộ thực hiện phân loại rác thải tại nguồn có 1.920/3.284 hộ (58,4%)

17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường 100%

- Chất thải rắn nguy hại trên địa bàn xã được thống kê phát sinh gồm có: pin, xi tro, gạch vỡ, các loại phế liệu dễ cháy nổ, máy móc phóng xạ, mạch điện tử, không báo

gồm bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và rác thải y tế,... Từ năm 2019, thực hiện đề án “Phát động phong trào làm sạch đồng ruộng, vệ sinh đường làng, ngõ, xóm huyện Yên Phong, giai đoạn 2019-2021”, UBND xã đã cho lắp đặt thùng chứa rác 2 ngăn tại các hộ gia đình, nơi công cộng, trục đường chính... tuyên truyền nhân dân thực hiện phân loại. Sau đó phòng tài nguyên môi trường huyện sẽ hợp đồng với công ty môi trường về xử lý theo đúng quy định. Khối lượng 0,34/0,34 tấn =100%

- Đối với rác thải y tế: Trạm y tế xã đã ký hợp đồng với Trung tâm y tế huyện Yên Phong để xử lý theo quy định.

- Đối với vỏ bao thuốc bảo vệ thực vật cũng được người dân thu gom bỏ vào các bể chứa đặt tại các điểm công cộng trên địa bàn sau đó công ty môi trường sẽ thực hiện thu gom xử lý theo quy định.

17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường $\geq 80\%$

- Thực hiện Đề án “Phát động phong trào làm sạch đồng ruộng, vệ sinh đường làng ngõ xóm giai đoạn 2019 - 2021” với mục tiêu cải thiện môi trường đồng ruộng, bảo đảm môi trường sản xuất an toàn, bền vững, đồng ruộng không còn rác, hệ thống kênh mương thông thoáng, không có bèo, rác; xây dựng và lắp đặt các bể chứa vỏ bao, chai thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, thu gom rác thải đồng ruộng định kỳ để xử lý. Đề án được triển khai trong bối cảnh vấn đề môi trường được nhân dân quan tâm do vậy nhận được sự ủng hộ của người dân cùng cấp ủy đảng, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể cấp huyện, cấp xã phối hợp với các ngành chức năng của huyện đề có kế hoạch riêng tổ chức triển khai đến các khu dân cư để tổ chức thực hiện đề án như:

- Hội nông dân xây dựng kế hoạch và tổ chức hội nghị quán triệt, triển khai kế hoạch thực hiện phong trào “Thu gom rác thải, làm sạch đồng ruộng” bảo đảm môi trường sản xuất nông nghiệp an toàn. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn và các công ty tổ chức tập huấn lồng ghép với các chương trình hoạt động, tập huấn cho hội viên nông dân về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn hiệu quả, chuyển giao khoa học kỹ thuật. Tổ chức ký cam kết đến hội viên, nông dân sản xuất theo đúng quy trình kỹ thuật, phát triển sản xuất gắn liền với bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả phân bón, an toàn thuốc bảo vệ thực vật và thu gom túi bóng, bao bì, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật và các

hóa chất khác sau khi sử dụng, xử lý chất thải hữu cơ trong nông nghiệp, chất thải trong chăn nuôi, bảo vệ môi trường, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm...

- Hội Liên Hiệp phụ nữ huyện phối hợp với Hội Liên Hiệp phụ nữ tỉnh hằng năm xây dựng kế hoạch tổ chức tập huấn hướng dẫn phân loại, xử lý rác thải hữu cơ bằng phương pháp sử dụng vi sinh bản địa IMO tới các hội viên phụ nữ và các hộ gia đình trên địa bàn các xã, thị trấn, góp phần giảm thiểu rác thải gây ô nhiễm môi trường, xây dựng cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp. Thực hành cách làm vi sinh IMO ứng dụng vào xử lý rác thải hữu cơ đã phân loại, làm phân bón phục vụ sản xuất nông nghiệp bền vững, góp phần bảo vệ môi trường.

- Ngoài ra còn các hoạt động của các ban, ngành, đoàn thể khác trên huyện như: Phòng GD&ĐT, Trung tâm DVNN, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh... công tác tuyên truyền của Trung tâm VH-TT&TT.

- Qua rà soát kết quả cụ thể như sau:

+ Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom và tái sử dụng trên địa bàn là đạt tỷ lệ 1.535/1.535 tấn (100%)

+ Tỷ lệ hộ gia đình, trang trại áp dụng các biện pháp tái sử dụng và tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp là 2.384/2.384 hộ = 100%

17.8 Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường $\geq 95\%$.

- Định kỳ hàng năm, khi thời tiết giao mùa, UBND xã xây dựng kế hoạch tiêm phòng cho các loại gia súc, gia cầm. Ngoài tiêm phòng định kỳ, UBND xã tiến hành tiêm phòng bổ sung cho đàn gia súc, gia cầm 1 tháng/ lần cho các đối tượng chưa đủ điều kiện tiêm tại các đợt tiêm phòng định kỳ. Tỷ lệ đạt 100% tổng đàn (đối tượng tiêm được).

- Các hộ chăn nuôi có chuồng trại xây dựng đảm bảo vệ sinh môi trường, nước thải chăn nuôi được xử lý qua hố lắng lọc trước khi thải ra môi trường, phân được ủ để bón ruộng, trường hợp các hộ gia đình chăn nuôi nhiều thì có hệ thống xử lý chất thải bằng Bioga. Chất thải chăn nuôi chưa được xử lý không xả trực tiếp ra môi trường.

- Qua rà soát đánh giá tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường trên địa bàn là 152/152 cơ sở đạt tỷ lệ 100%

17.9 Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch.

- Về quy hoạch, xây dựng nghĩa trang và hoạt động mai táng, hỏa táng trên địa bàn xã đã đáp ứng, duy trì đầy đủ theo quy định, phù hợp với quy hoạch.

17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng $\geq 20\%$.

- Bằng nhiều hình thức tuyên truyền, vận động nhân dân, nhiều năm qua tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn xã đều duy trì ở mức cao. Các khu nghĩa trang trên địa bàn xã được quy hoạch theo quy định; tỷ lệ hỏa táng, điện táng năm 2023 đạt 49/53 trường hợp (92,45%).

17.11 Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn $\geq 4\text{m}^2/\text{người}$.

Tỷ lệ đất cây xanh sử dụng công cộng đạt $59\text{ m}^2/\text{người}$.

17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định $\geq 90\%$.

- Chất thải nhựa phát sinh đều được các hộ dân thực hiện thu gom, bán phế liệu do vậy tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định khối lượng khoảng 1,6/1,6 tấn đạt 100%.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 17 về Môi trường: Đạt

4.18. Tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống

a) Yêu cầu của tiêu chí

18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung $\geq 65\%$.

18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm ≥ 80 lít.

18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững $\geq 45\%$.

18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm 100%

18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm và tử vong do ngộ độc thực phẩm.

18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm hoặc ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định.

18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch. 100%

18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường. 100%

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung $\geq 65\%$.

- Tỷ lệ hộ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung đạt 3.073/3.284 hộ (93,57%).

18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm ≥ 80 lít.

- Cấp nước sinh hoạt đạt bình quân đầu 110 lít/người/ngày đêm

18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững $\geq 45\%$.

Hiện nay đơn vị cung cấp nước sạch cho xã là Công ty phát triển hạ tầng Viglacera (Khu công nghiệp Yên Phong I mở rộng), đảm bảo cấp nước cụm Yên Trung-Đông Phong và Long Châu. Hiện nay công ty đang vận hành, khai thác và thu tiền nước sạch của các hộ dân sử dụng trên địa bàn. 100% hệ thống các công trình xử lý nước và hệ thống đường ống cung cấp nước đến người tiêu dùng được công ty quan đầu tư nâng cấp, tu bổ, bảo dưỡng đảm bảo hoạt động tốt trong quá trình khai thác và cung cấp nước tới người tiêu dùng; ngoài ra còn thường xuyên hỗ trợ kỹ thuật, tổ chức tập huấn, đào tạo, nâng cao năng lực quản lý vận hành cho đội ngũ nhân viên.

18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm: đạt 119/119 cơ sở (100%);

18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm và tử vong do ngộ độc thực phẩm trên địa bàn xã : Không

18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm hoặc ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định: 32/32 cơ sở (đạt 100%).

18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch. 100%

- Trên địa bàn xã có 3.284/ 3.284 hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch, đạt 100%.

18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường. 100%

- Trên địa bàn xã không có bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống: Đạt

4.19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và an ninh:

a) Yêu cầu của tiêu chí

19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân.

19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên (trừ trường hợp bất khả kháng).

19.3. Có một trong các mô hình về phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) và cứu nạn, cứu hộ và có mô hình có sử dụng camera phục vụ công tác đảm bảo an ninh, trật tự gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân.

Thời gian qua Cấp ủy, chính quyền địa phương đã thực hiện tốt việc quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng, trong tâm là Nghị quyết số 44-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XIII) “Về chiến lược bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới”; Kết luận số 64-KL/TW ngày 30/10/2023 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị (khóa X) “Về tiếp tục xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới”; Kết luận số 41-KL/TW ngày 31/3/2009 của Ban Bí thư (khóa X) về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 16-CT/TW ngày 05/10/2002 của Ban Bí thư (khóa IX) “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng DQTV, DBĐV trong tình hình mới”; Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 22/6/2015 của Bộ Chính trị “Về tăng cường sự

lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh, trật tự trong tình hình mới”; Luật NVQS; Luật Quốc phòng; Luật DQTV; Luật DBĐV; Luật Giáo dục QP&AN; Nghị định số 03/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về phối giữa bộ Công an và Bộ Quốc phòng trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và nhiệm vụ quốc phòng; Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/06/2020 của Chính phủ quy định về hoạt động của Dân quân tự vệ; Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết về một số điều của Luật DQTV về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với DQTV; Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc thông qua mô hình tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động, bảo đảm chế độ chính sách đối với DQTV trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Chỉ thị của Ban Thường vụ Huyện ủy về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - quân sự địa phương hàng năm.

Ngay sau khi nhận được kế hoạch của cấp trên, UBND xã đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo Ban CHQS xã tham mưu, xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương, kế hoạch tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, kế hoạch xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, kế hoạch huấn luyện, diễn tập... Chủ trì, phối hợp với các ban, ngành tham mưu xây dựng, rà soát, điều chỉnh, bổ sung kịp thời các văn kiện, quy chế, kế hoạch về công tác quốc phòng, quân sự địa phương như: Kế hoạch chiến đấu phòng thủ; kế hoạch phòng không nhân dân, kế hoạch chiến đấu bảo vệ cơ quan, kế hoạch PCTT&TKCN...

Cụ thể, UBND xã chỉ đạo Ban CHQS xã tham mưu, xây dựng, ban hành đầy đủ các kế hoạch tổ chức đăng ký công dân trong độ tuổi dân quân được cấp có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở để tổ chức xây dựng lực lượng và huấn luyện dân quân.

- Xây dựng ban hành các văn bản: Kế hoạch số 04/KH-HĐGDQP&AN, ngày 03/02/2023 của Hội đồng GDQP&AN xã Yên Trung về thực hiện công tác giáo dục Quốc phòng và an ninh năm 2023; kế hoạch thực hiện công tác DQTV, GDQP&AN năm 2023 tại kế hoạch số 05/KH-BCH ngày 10/02/2023 của Ban CHQS xã Yên Trung; kế hoạch số 01/KHPH-QS-CA ngày 05/04/2023 giữa Ban CHQS xã và Công an xã về phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ ANQG, bảo đảm TT ATXH, đấu tranh phòng,

chống tội phạm và nhiệm vụ quốc phòng năm 2023; Kế hoạch số 02/KHPH-QS-CA, ngày 07/04/2023 về việc phối hợp thực hiện Nghị định 02/2020/NĐ-CP; Quy chế phối hợp giữa lực lượng Công an và lực lượng Quân sự thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự, giữ gìn an toàn xã hội và nhiệm vụ quốc phòng trên địa bàn xã Yên Trung; các kế hoạch thực hiện công tác dân quân tự vệ, giáo dục quốc phòng và an ninh trật tự; Nghị quyết về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ; kế hoạch tổ chức thực hiện nhiệm vụ tuyển quân; kế hoạch tổ chức xây dựng lực lượng dân quân...và một số văn bản khác.

Đến nay, lực lượng dân quân được xây dựng với quy mô và biên chế hợp lý, đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Tổng số 104 đ/c = 0.75 % dân số toàn xã.

+ Ban CHQS xã gồm 04 đ/c (CHT, CTV, Phó CHT, CTV phó)

+ Trung đội cơ động = 28 đ/c, gồm 01 trung đội trưởng và 03 tiểu đội trưởng; 24 đ/c chiến sỹ.

+ LLDQ tại chỗ 54 đ/c (Mỗi thôn biên chế 02 tổ, mỗi tổ 3 đ/c).

+ LL Binh chủng: 18 đ/c được biên chế thành 6 tổ chuyên môn, mỗi tổ 3 đ/c bao gồm: Khẩu đội cối 60mm; binh chủng Công binh; Trinh sát; Thông tin; Hóa học; Y tế.

Trong đó:

+ Đảng viên: 18 đ/c = 17.3%.

+ Đoàn viên: 33 đ/c = 31.7%.

+ Nữ: 15 đ/c = 14.4%.

Hằng năm, các lớp huấn luyện đã được tổ chức cho lực lượng dân quân tự vệ, với tỷ lệ đạt yêu cầu trên 90%. Nội dung đào tạo bao gồm kỹ năng quân sự, phòng chống cháy nổ, cứu hộ cứu nạn.

19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên (trừ trường hợp bất khả kháng).

a) Hằng năm, định kỳ và trong các dịp đột xuất Đảng uỷ có các Nghị quyết; UBND xã có các Kế hoạch về Công tác đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn xã. Kèm theo đó là các Phương án, Kế hoạch tổ chức thực hiện nhằm đảm bảo chỉ đạo thực hiện

có hiệu quả công tác an ninh, trật tự và xây dựng phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Đã tham mưu Đảng ủy – UBND xây dựng triển khai các kế hoạch liên quan thực hiện nhiệm vụ đảm bảo ANTT như: Kế hoạch huy động các lực lượng phối hợp tham gia tuần tra vũ trang đảm bảo ANTT; Kế hoạch kiểm tra cư trú; Kế hoạch tăng cường tuần tra đảm bảo ANTT trước, trong và sau Tết Nguyên đán; Kế hoạch cao điểm thu hồi VK, VLN, CCHT và pháo các loại; Kế hoạch cao điểm đấu tranh phòng, chống tội phạm trước, trong và sau Tết Nguyên đán; Phương án, kế hoạch tăng cường công tác PCCC tại cơ sở theo phân cấp; Kiện toàn các Ban chỉ đạo 138, Ban chỉ đạo tăng cường thu hồi vũ khí, vật liệu nổ và pháo, Ban An toàn giao thông xã...

Tham mưu cho Đảng ủy, UBND xã chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Huyện ủy, UBND huyện, lãnh đạo Công an huyện Yên Phong về nâng cao hiệu quả hoạt động các mô hình quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc như: Mô hình Camera an ninh, các mô hình tổ liên gia PCCC, mô hình điểm chữa cháy công cộng, mô hình “Xã ATGT”, “Cổng trường ATGT”, “Cụm chiến binh vì dân”, “Tuyên đường tự quản ATGT”... Thường xuyên tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia phòng ngừa, phát hiện, tố giác và đấu tranh với tội phạm, tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật. Đến nay các mô hình đã hoạt động, bước đầu đã có một số kết quả nhất định và được đa số quần chúng nhân dân đồng tình ủng hộ.

Đơn vị xã và các thôn đều đạt tiêu chuẩn về ANTT. Công an xã tổ chức triển khai cho 100% học sinh của các nhà trường, các hộ kinh doanh có điều kiện ký cam kết đảm bảo ANTT.

Ngày 01/07/2024, tổ chức thành lập lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự, trật tự ở cơ sở và lễ ra mắt “Tổ bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở” gồm 09 tổ với tổng số 40 thành viên.

b) Không để xảy ra một trong các hoạt động theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ Khoản 3 Điều 4 Thông tư 124/2021/TT-BCA ngày 28/12/2021: Quy định khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”:

- Không để xảy ra hoạt động chống Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc;

- Không để xảy ra hoạt động phá hoại các mục tiêu, công trình trọng điểm về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng;

- Không để xảy ra hoạt động tuyên truyền, phát triển tín ngưỡng, tôn giáo trái pháp luật;

- Không để xảy ra hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc, tranh chấp, khiếu kiện gây phức tạp về an ninh, trật tự;

- Không để xảy ra hoạt động ly khai, đòi tự trị.

c) Không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật.

Không để tập trung đông người khiếu nại, tố cáo vụ việc đã được cơ quan chức năng giải quyết đúng thẩm quyền trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật.

Không để xảy ra những hoạt động như: Kích động, xúi giục, cưỡng ép, dụ dỗ, mua chuộc, lôi kéo nhiều người cùng đến cơ quan, trụ sở, doanh nghiệp hoặc cá nhân để đưa đơn, thư khiếu nại, tố cáo, yêu cầu giải quyết một hoặc nhiều vấn đề quyền lợi bị vi phạm hoặc có liên quan đến việc thực thi chính sách pháp luật để gây rối an ninh, trật tự công cộng hoặc lợi dụng việc khiếu nại, tố cáo để tuyên truyền chống Nhà nước; xuyên tạc, vu khống, đe dọa, xúc phạm uy tín, danh dự của cơ quan, tổ chức, người có trách nhiệm được phân công giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Công tác tiếp nhận, xử lý tố giác, tin báo về tội phạm: 100% tin báo, tố giác tội phạm được tiếp nhận, xác minh sơ bộ, xử lý, giải quyết đúng quy định.

Tổng số tiếp nhận: 09, trong đó: Tố giác = 09. Chuyển Cơ quan điều tra Công an huyện thụ lý đúng quy định.

d) Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

e) Số vụ phạm tội về trật tự xã hội tại xã chỉ xảy ra từ 05 (năm) vụ trở xuống trên 01 (một) năm và được duy trì với mục tiêu phải kiềm chế hoặc kéo giảm trong 02 năm liên tiếp và những năm tiếp theo.

- Tệ nạn xã hội trên địa bàn được kiểm chế, giảm so với năm trước;
- Tai nạn giao thông trên địa bàn được kiểm chế, giảm so với năm trước;
- Cháy, nổ... cũng được kiểm chế (trừ trường hợp bất khả kháng).

g) Có các mô hình về phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả như:

- Mô hình mang tính tổ chức tự quản về ANTT được điều chỉnh bằng các văn bản quy phạm pháp luật: 20 mô hình, gồm:

- + 01 mô hình Ban chỉ đạo 138 tại xã.
- + 09 mô hình Tổ bảo vệ An ninh trật tự tại 09 thôn.
- + 09 mô hình Tổ hòa giải tại 09 thôn.
- + 01 mô hình Đội công tác xã hội tình nguyện xã hội.

- Mô hình mang tính tổ chức tự quản về ANTT không bị điều chỉnh bằng các văn bản quy phạm pháp luật: 03 mô hình, gồm:

- + 01 mô hình “Tổ liên gia an toàn về PCCC”.
- + 01 mô hình “Cổng trường an toàn giao thông”.
- + 01 mô hình Tổ trợ giúp tái hòa nhập công đồng.

h) Xã Yên Trung không thuộc địa bàn phức tạp về tội xâm phạm trật tự xã hội.

i) Tập thể Công an xã được đánh giá, xếp loại “Đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ”.

19.3. Có một trong các mô hình về phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) và cứu nạn, cứu hộ và có mô hình có sử dụng camera phục vụ công tác đảm bảo an ninh, trật tự gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

- UBND xã đã thành lập một số mô hình về phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông như: Mô hình tổ liên gia PCCC (2023), mô hình camera an ninh (2022)...

- Trong năm 2022, Công an xã đã tham mưu cho UBND xã lắp đặt 60 mắt camera tại các trục đường chính, cửa ngõ ra vào địa bàn, các khu vực trọng yếu.... phục vụ công tác đảm bảo an ninh trật tự.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 19 về Quốc phòng và an ninh: Đạt

5. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

Tình hình nợ đọng đầu tư xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới của xã Yên Trung đến thời điểm hiện tại là thiếu từ nguồn ngân sách xã với số tiền là 51.173 triệu đồng. *(có báo cáo giải trình của xã kèm theo).*

6. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

6.1. Quan điểm

- Thành viên Ban chỉ đạo cần bám sát kế hoạch công tác, các nội dung được phân công theo dõi chỉ đạo các thôn, hướng dẫn chỉ đạo thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao. Thường xuyên chỉ đạo, nắm tình hình và kết quả triển khai trên địa bàn các thôn, tổng hợp báo cáo Trưởng Ban chỉ đạo định kỳ để từng bước nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới nâng cao.

- Mặt trận Tổ quốc, các ngành, đoàn thể có kế hoạch đề tập trung chỉ đạo thực hiện các tiêu chí có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình trong năm 2024 và những năm tiếp theo.

- Thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch, lưu ý việc chuyển đổi diện tích đất lúa sang mục đích sử dụng khác phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của xã đã được tỉnh phê duyệt. Chú trọng quy hoạch sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, xây dựng kết cấu hạ tầng, chỉnh trang khu dân cư, thúc đẩy các mô hình sản xuất.

- Vận dụng linh hoạt các cơ chế chính sách, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, các thành phần kinh tế, cộng đồng dân cư tham gia đầu tư phát triển sản xuất, dịch vụ và xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng ở nông thôn.

6.2. Mục tiêu

- Phát huy quyết tâm chính trị cao nhất, huy động sức mạnh tổng hợp của Cấp ủy, Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể chính trị - xã hội từ xã đến thôn vận động nhân dân tích cực hưởng ứng, duy trì các tiêu chí, chỉ tiêu nông thôn mới nâng cao. Tranh thủ huy động nguồn kinh phí từ ngân sách và nguồn xã hội hóa để đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa các hạng mục, công trình trên địa bàn, hướng tới và duy trì các tiêu chí nông thôn mới nâng cao, 9/9 thôn nông thôn mới kiểu mẫu và theo định hướng, chủ trương của Huyện ủy, UBND huyện Yên Phong.

6.3. Nội dung, giải pháp

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn, thực hiện các dự án đất DCDV thôn Trần Xá và các dự án đất đấu giá.

- Tập trung chỉ đạo đề án tích tụ ruộng đất phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ KHKT áp dụng vào sản xuất, chăn nuôi, phát triển các mô hình chăn nuôi kết hợp, một số mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi theo chuỗi liên kết bao tiêu sản phẩm bền vững. Có các cơ chế chính sách hỗ trợ cho các hộ trang trại, gia trại trên địa bàn phát triển ổn định bền vững, xây dựng thêm 01 sản phẩm OCOP.

- Nâng cao chất lượng cơ sở vật chất tại các trường học, chú trọng các biện pháp để tăng cường nâng cao chất lượng giáo dục. Đồng thời, thường xuyên quan tâm các hoạt động giảng dạy, có sự đầu tư đúng mức để từng bước nâng cao chất lượng dạy và học.

- Không ngừng nâng cao chất lượng đời sống văn hóa tinh thần cho người dân bằng các hoạt động phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao. Nâng cao hiệu quả hoạt động trang thông tin điện tử của xã.

- Tập trung chỉ đạo công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn xã luôn Xanh – Sạch – Đẹp, chỉnh trang đường làng, ngõ xóm, tạo cảnh quan khu dân cư kiểu mẫu.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ: hồ sơ đúng, đủ theo quy định

2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

- Tổng số tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao của xã Yên Trung đã được UBND huyện Yên Phong thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm thẩm tra là: 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao:

Tình hình nợ đọng đầu tư xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới của xã Yên Trung đến thời điểm hiện tại là thiếu từ nguồn ngân sách xã với số tiền là 51.173 triệu đồng. *(có báo cáo giải trình của xã kèm theo).*

III. KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị Tỉnh tiếp tục có chính sách hỗ trợ xây dựng hạ tầng nông thôn, chú trọng đầu tư cho các công trình giao thông, thủy lợi nội đồng để phục vụ sản xuất, các công trình thoát nước nông thôn để bảo vệ sinh môi trường.

2. Đề nghị UBND tỉnh Bắc Ninh xem xét Quyết định công nhận xã Yên Trung đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024.

Vậy, UBND huyện Yên Phong báo cáo đề UBND tỉnh, BCĐ chương trình xây dựng NTM tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Bắc Ninh (b/c);
- VPĐP CTMTQGXDNTM tỉnh;
- TT HU, TT HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Thường trực BCĐ huyện;
- Đảng ủy, UBND xã Yên Trung;
- Văn phòng: CVP, PVPTH, CVTH;
- Lưu: VT, HS.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lưu Văn Mùi

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN CÁC TIÊU CHÍ
XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO ĐẾN NĂM 2024
đối với xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh**
(Kèm theo Dự thảo Báo cáo số/BC-UBND ngày/11/2024 của UBND huyện Yên Phong)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện/thị xã	
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch	Đạt	Quyết định số 528/QĐ-UBND, ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh	Đạt	
		1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch	Đạt	552/UBND-NN ngày 16/4/2024 của UBND huyện Yên Phong	Đạt	
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên	Đạt	Quyết định số 409/QĐ-UBND, ngày 26/7/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh	Đạt	
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì định kỳ, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết: biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...	≥95%	100%	Đạt	
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, và đường liên thôn	Được cứng hóa và bảo trì theo định kỳ	100%	3,5/3,5km (100%)	Đạt
			Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	≥95%	100%	Đạt
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	≥95%	39,1/ 39,1km (100%)	Đạt	
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa	100%	8,0/8,0 km (100%)	Đạt	
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	≥90%	273/273 ha (100%)	Đạt	
		3.2. Tổ chức thủy lợi cơ sở (nếu có) hoạt động hiệu quả	Đạt	Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống	Đạt	

		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	≥20%	273/273 ha (100%)	Đạt
		3.4. Tỷ lệ công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	100%	100%	Đạt
		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Đạt	Đạt	Đạt
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khá	-Có tổ chức bộ máy thực hiện công tác PCTT, có nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu trong công tác PCTT. -Có kế hoạch PCTT được phê duyệt, làm tốt công tác bảo vệ công trình PCTT. (Đạt)	Đạt
4	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	100%	3.284/3.284 hộ (100%)	Đạt
5	Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2	100%	- Trường Mầm non đạt chuẩn mức độ 2 theo Quyết định số 1512/QĐ-UBND, ngày 30/11/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh. - Trường Tiểu học Yên Trung số 1 đạt chuẩn mức độ 2 theo Quyết định số 602/QĐ-UBND, ngày 01/7/2022 của UBND tỉnh Bắc Ninh. - Trường Tiểu học Yên Trung số 2 đạt chuẩn mức độ 2 theo Quyết định số 1050/QĐ-UBND, ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh. - Trường THCS Yên Trung đạt chuẩn mức độ 2 theo Quyết định số 1152/QĐ-UBND, ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh	Đạt
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND huyện Yên Phong v/v công nhận phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2023.	Đạt
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS	Mức độ 3	Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND huyện Yên Phong v/v công nhận phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2023	Đạt
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2	Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND huyện Yên Phong v/v công nhận phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2023	Đạt
		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại	Khá	Xếp loại Tốt Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 11/01/2024	Đạt

		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền	Đạt	4/4 trường có hệ thống thiết bị luyện tập giáo dục thể chất cho học sinh, các mô hình: Bóng đá, cầu lông... (Đạt)	Đạt
6	Văn hóa	6.1. Có lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên. Trung tâm Văn hóa – Thể thao xã được đầu tư xây dựng hoặc có quy hoạch riêng biệt bên ngoài khu hành chính của xã	Đạt	Có sân chơi thể thao, lắp dụng cụ TDTT tại nhà văn hóa các thôn và điểm công cộng; Có quy hoạch Trung tâm VH-TT của xã riêng biệt (Đạt)	Đạt
		6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định	Đạt	-Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt công bố danh mục kiểm kê di tích trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh tính đến ngày 15/12/2020. -Có 03 cơ sở tín ngưỡng (Đình thôn Xuân Cai, Đình thôn Thân Thượng, Đình thôn Trần Xá) được công nhận di tích lịch sử văn hoá cấp tỉnh công nhận.	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn đạt danh hiệu “Khu dân cư văn hóa”	100%	9/9 thôn đều đạt danh hiệu “Khu dân cư văn hóa” theo Quyết định số 5635/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND huyện Yên Phong.	Đạt
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	7.1. Xã có chợ nông thôn đạt chuẩn theo quy định	<i>Trường hợp xã không được quy hoạch xây dựng chợ thì không xem xét thực hiện tiêu chí và việc xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao trên cơ sở xem xét, đánh giá các tiêu chí còn lại</i>	Xã không được quy hoạch xây dựng chợ	Đạt
		7.2. Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm			
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân	Đạt	Có 01 điểm bưu điện xã	Đạt
		8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh	≥80%	9.638/9.638 thuê bao (100%)	Đạt

		8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông	Đạt	-Có hệ thống loa truyền thanh từ xã đến thôn. -Truyền hình số mặt đất, vệ tinh được sử dụng phổ biến tại các thôn. -Xã có nhà sách cung cấp xuất bản phẩm hoạt động thường xuyên.	Đạt	
		8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội	Đạt	-Có sử dụng 01 phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Đạt	
		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)	Đạt	Có hệ thống wifi miễn phí tại xã và tại nhà văn hóa 09 thôn	Đạt	
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	≥98%	3.284/ 3.284 hộ (100%)	Đạt	
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)	Năm 2022	≥64	68,19	Đạt
			Năm 2023	≥68	75,4	Đạt
			Năm 2024	≥72		
			Năm 2025	≥76		
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều	≤1%	20/3.284 hộ (0,6%)	Đạt	
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥85%	8.859/9.638 người (88%)	Đạt	
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥35%	4.150/9.638 người (43%)	Đạt	
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định	≥ 01 HTX	-Có 09 HTX DVNN, 01 HTX dịch vụ đa ngành Trọng Tín	Đạt	
		13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn 3 sao trở lên và còn thời hạn kể từ ngày được công nhận	≥ 01 Sản phẩm	-Có 01 sản phẩm (Dưa lưới)	Đạt	

		13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, hoặc mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm	≥ 01 mô hình	-Mô hình sản xuất dưa lưới, rau sạch (theo tiêu chuẩn VietGAP)	Đạt
		13.4. Ứng dụng công nghệ số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã (nếu có)		Không có	Đạt
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã (nếu có) được bán qua kênh thương mại điện tử		Không có	Đạt
		13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã (nếu có) được cấp mã vùng		Không có	Đạt
		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã (nếu có) thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội		Không có	Đạt
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)	Đạt	-HTX dịch vụ đa ngành Trọng Tín	Đạt
14	Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥96%	14.691/15.269 (96,21 %)	Đạt
		14.2. Xã triển khai thực hiện quản lý sức khỏe điện tử	Đạt	13.913/15.269 = 91,1%	Đạt
		14.3. Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa	Đạt	2.460/5.916 = 41,6%	Đạt
		14.4. Xã triển khai thực hiện tốt số khám chữa bệnh điện tử	Đạt	6.705/15.269 = 43,9%	Đạt
15	Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	Đạt	Giải quyết thủ tục hành chính qua hệ thống cổng dịch vụ công quốc gia	Đạt
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến một phần	Đạt	89 dịch vụ công trực tuyến (21 DVCTT toàn trình, 67 DVCTT một phần; 01 DV cung cấp thông tin trực tuyến)	Đạt
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Đạt	100% các thủ tục được giải quyết đúng hạn, mức độ hài lòng của người dân đạt 100%	Đạt

16	Tiếp cận pháp luật	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở	Đạt	Mô hình Tổ hòa giải ở cơ sở tại 09/09 thôn, Tổ hòa giải kiểu mẫu thôn Ấp Đồn được UBND tỉnh, UBND huyện khen thưởng năm 2023	Đạt
		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải thành	≥90%	36/38 vụ (lần) (94,7%)	Đạt
		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	≥90%	05/05 người (100%)	Đạt
17	Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Đạt	Xã không có khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ	Đạt
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.	100%	195/195 cơ sở (100%)	Đạt
		17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	≥98%	43 tấn/43 tấn/ngày đêm (100%)	Đạt
		17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	≥50%	3.284/3.284 hộ (100%)	Đạt
		17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥50%	1.920/3.284 hộ (58,4%)	Đạt
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	0,34 tấn/0,34 tấn/năm (100%)	Đạt
		17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	≥80%	1.535 tấn/1.535 tấn/năm (100%)	Đạt
		17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥95%	152/152 cơ sở (100%)	Đạt

		17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	Đạt	Các khu nghĩa trang trên địa bàn xã được quy hoạch theo quy định	Đạt
		17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	≥20%	Năm 2023, có 49/53 trường hợp (92,45 %)	Đạt
		17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	≥4m ² /người	59 m ² /người	Đạt
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥90%	1,6/1,6 tấn =100%	Đạt
18	Chất lượng môi trường sống	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	≥65%	3.073/3.284 hộ (93,57%)	Đạt
		18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	≥80 lít	110 lít	Đạt
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	≥45%	Công ty phát triển hạ tầng Viglacera	Đạt
		18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm	100%	119/119 chủ thể (100%)	Đạt
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm và tử vong do ngộ độc thực phẩm	Không	Không có	Đạt
		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm hoặc ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định	100%	32/32 cơ sở đạt 100%	Đạt
		18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	100%	3.284/ 3.284 hộ (100%)	Đạt
		18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường	100%	Không có	Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	Đạt	-Có kế hoạch xây dựng lực lượng, huấn luyện, hoạt động, bảo đảm chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Đạt

	19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên (trừ trường hợp bất khả kháng)	Đạt	Không có	Đạt
	19.3. Có một trong các mô hình về phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) và cứu nạn, cứu hộ và có mô hình có sử dụng camera phục vụ công tác đảm bảo an ninh, trật tự gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	-Có mô hình về phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông như: Mô hình tổ liên gia PCCC, mô hình camera an ninh,...	Đạt